TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC QUÂN KHU 7**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 10/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Văn Thanh.
Các Hội thẩm quân nhân:
1// Đoàn Văn Duẩn;
1// Lê Thái Sơn.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 tham gia phiên tòa: 1// Nguyễn Văn Thạch, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 15/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 28/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Đức V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/7/2002 tại V; nơi cư trú: Ấp 1A, xã P, huyện L, tỉnh Đ; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: H1, CS, d8, Trường SQLQ2; nhập ngũ: Tháng 02/2022; trình độ văn hóa: Lớp 7; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Lê Thị Kiều H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2023 đến ngày 14/8/2023; bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay tại Trại K35, QK7; có mặt.

2. Trần Văn K; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/02/1985 tại Đ; nơi cư trú: Hẻm 18/25 tổ 5, khu A, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đ; trình độ văn hóa: Lớp 6; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị N (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính lần nào; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2023 đến ngày 14/8/2023; bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay tại Trại K35, QK7; có mặt.

3. Cao Phương T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/10/1989 tại T; nơi cư trú: Tổ 15, khu 3, ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đ; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Bảo vệ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thanh H và bà Phạm Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Mỹ

L, sinh năm 1993 (Đã ly hôn); có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tuyên phạt 01 năm 04 tháng tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 112/2021/HS-PT ngày 30/11/2021 (chưa xóa án tích); nhân thân: Có 01 tiền án về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/8/2023 đến ngày 14/8/2023; bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2023 đến nay tại Trại K35, QK7; có mặt.

4. Nguyễn Huỳnh T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1984 tại Đ; nơi cư trú: Tổ 8, ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đ; trình độ học vấn: Lớp 9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức V và bà Huỳnh Thị Ngọc P; bị cáo có vợ là Đặng Thị Anh T, sinh năm 1983 (Đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền án về tội: "Trộm cắp tài sản"; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Thanh T; vắng mặt.
2. Cao Chí B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 05/8/2023, Lê Đức V là H1, CS, d8, Trường SQLQ2 liên hệ với Cao Phương T đến cổng Trường SQLQ2 đón V đi uống cà phê. T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60G1-268.05 chở V, trên đường đi V nảy sinh ý định sử dụng ma túy và rủ T đi tìm ma túy để sử dụng, T đồng ý rồi điều khiển xe chở V đến nhà Trần Văn K tại ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đ. Đến nhà K, T nói K đi mua ma túy về sử dụng, K nói không có tiền thì V nói V có 400.000 đồng và K mượn điện thoại hiệu Iphone 11 Pro, số điện thoại 0901684431 của V gọi cho Nguyễn Huỳnh T để hỏi mua ma túy, qua trao đổi T đồng ý và hẹn ra địa điểm cách nhà K khoảng 100 mét để lấy ma túy. Khoảng 08 giờ 45 phút cùng ngày, K cùng V đi bộ ra ngã ba cách nhà khoảng 100 mét gặp T để lấy ma túy, tại đây T đưa gói nilong đựng ma túy cho K, K đưa lại cho V và V chuyển khoản tiền qua ứng dụng Momo số điện thoại 0976114883 của T để trả tiền ma túy 400.000 đồng rồi V, K quay về nhà K. Về đến nhà K, V để gói nilong có ma túy trên nền nhà, K xuống bếp lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế vào phòng ngủ, lúc này có Đặng Thanh T đi ngang nhà K thấy có sử dụng ma túy nên xin vào sử dụng cùng. Sau đó, T lấy một phần ma túy trong túi nilong ra, cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy dùng bật lửa đốt và hút trước rồi đưa cho K, T, V thay nhau hút, sử dụng ma túy xong, tất cả ngồi chơi, sử dụng điện thoại. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã A, huyện L, tỉnh Đ tiến hành kiểm tra hành chính nhà của K thì, V đã cầm lấy túi nilong bên trong có chứa số ma túy còn lại đang để trên nền nhà ném vào gầm tủ quần áo phòng ngủ của K. Công an

xã đã phát hiện V, T, K, T sử dụng ma túy, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các tang vật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng mô tả. Do có nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 08 giờ ngày 05/8/2023, Lê Đức V đã rủ Cao Phương T đến nhà Trần Văn K mua ma túy từ Nguyễn Huỳnh T về cùng nhau sử dụng, đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày Công an phát hiện bắt giữ các bị cáo cùng số ma túy còn lại Lê Đức V giấu vào gầm tủ quần áo nhà K.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh T khai tại phiên tòa: Khoảng gần 09 giờ ngày 05/8/2023 tôi gặp K và một người ngoài đường gần ngã ba cách nhà T khoảng 100m, lúc này tôi đi xe máy một mình, K đi bằng xe máy cùng một người; người đi cùng K chuyển 400.000 đồng cho tôi qua ví Momo số điện thoại 0976114883, trước khi chuyển tiền người kia hỏi đúng tài khoản chưa, tôi nói đúng, đây là số tiền K vay của tôi nên tôi đòi, chứ không phải tiền mua bán ma túy, tôi không bán ma túy cho K, việc K vay tiền không ai chứng kiến. Bị cáo sử dụng 02 số điện thoại là 0976114883 và số 0785252111. Sau ngày nhận tiền từ K và người đi cùng qua ứng dụng Momo ngày 05/8/2023, thì điện thoại di động không rõ nhãn hiệu của bị cáo đem đi cầm đồ, không lấy lại, bị mất, còn 02 sim đã sử dụng do bị cáo tháo ra, lắp lại nhiều lần nên hư hỏng, không dùng được do đó bị cáo làm sim mới, kích hoạt lại để sử dụng. Còn điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 Pro bị cáo mua vào tháng 4 năm 2024 và dùng 02 sim mới mua kích hoạt lại sử dụng.

Người làm chứng Cao Chí B có lời khai tại cơ quan điều tra: Anh trai Cao Phương T tự ý lấy xe của tôi đi; không biết anh trai lấy xe đi liên quan đến hành vi phạm tội.

Người làm chứng Đặng Thanh T có lời khai tại cơ quan điều tra: Sáng ngày 05/8/2023, tôi có qua nhà K chơi, tôi thấy có sẵn ma túy nên cùng sử dụng, không ai ép hay rủ rê, tôi không góp tiền mua, không cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/8/2023; Biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản ảnh, ngày 05/8/2023: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05/8/2023, Công an xã A tiến hành kiểm tra hành chính chỗ ở của Trần Văn K, sinh năm 1985 tại ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đ thì phát hiện Lê Đức V, Cao Phương T, Trần Văn K, Đặng Thanh T đang sử dụng trái phép chất ma túy. Phát hiện trong phòng ngủ của Trần Văn K có 01 bộ dụng cụ tự chế từ 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu đỏ gắn đoạn thủy tinh dài khoảng 10 cm có 01 đầu hình cầu đường kính 01 cm bên trong có bám chất bột màu trắng và 01 ống hút bằng nhựa dài khoảng 20 cm để sử dụng ma túy đá; 01 gói nilong kích thước 04 cm x 07 cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy dưới gầm tủ; 03 bật lửa…; Biên bản xét nghiệm chất ma túy, ngày 05/8/2023: Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T, Đặng Thanh T: Kết quả xét nghiệm: Dương tính (+) với ma túy tổng hợp (đá); Kết luận Giám định số 8679/KL-KTHS ngày 10/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an TP.H: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1246g (không phẩy một hai bốn sáu gam) loại Methamphetamine.

Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m2 cần giám định không xác định được khối lượng, tìm thấy Methamphetamine ở dạng vết. Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và cán bộ điều tra gồm: Tinh thể không màu (m1) có khối lượng 0,0452g. (m2) đã sử dụng hết mẫu; Biên bản làm việc ngày 28/9/2023: Kiểm tra điện thoại của Lê Đức V (Iphone 11 Pro màu xám, số Imei: 353235101287790 và số Imei: 353235101176704): Ngày 05/8/2023 điện thoại của Lê Đức V liên hệ số thuê bao 0785252111 ba cuộc gọi (08:21; 08:22; 08:47), số thuê bao 0785252111 không gọi đến điện thoại của Lê Đức V lần nào. Bấm vào ứng dụng Momo và xem lịch sử giao dịch của Lê Đức V vào ngày 05/8/2023 xác định vào lúc 08:50 Vũ đã chuyển tiền qua tài khoản tên Nguyễn Huỳnh T số điện thoại 0976114883 số tiền 400.000đ; Dữ liệu thuê bao 0785252111: Ngày 05/8/2023 có 03 cuộc gọi đến lúc 08:20; 08:22; 08:47 từ thuê bao 0901684431; Công văn số 1714/MOBIFONE 2-CSKH ngày 10/7/2024: Số thuê bao 0785252111 loại thuê bao trả trước, tên thuê bao Nguyễn Huỳnh T, CCCD: 075084002961 cấp ngày 01/5/2021, sinh ngày 10/10/1984, địa chỉ: Tổ 8 ấp 1, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS72 ngày 15/8/2024 của Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 truy tố bị cáo Lê Đức V về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; các bị cáo Trần Văn K, Cao Phương T về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Nguyễn Huỳnh T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 BLHS. Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T, Nguyễn Huỳnh T như Cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân và vai trò của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đối với bị cáo Lê Đức V:

- Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt Lê Đức V từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Lê Đức V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Đức V phải chấp hành hình phạt chung từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm tù.

2. Đối với bị cáo Trần Văn K: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt Trần Văn K từ 07 năm đến 08 năm tù.

3. Đối với bị cáo Cao Phương T: Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt Cao Phương T từ 07 năm đến 08 năm tù.

4. Đối với bị cáo Nguyễn Huỳnh T: Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Huỳnh T từ 02 năm đến 03 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh T nộp số tiền 400.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước vì đây là tiền do phạm tội mà có.

Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Cơ quan ĐTHS khu vực 2, Các Tổ chức sự nghiệp đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 21/QĐ-XLTS ngày 19/01/2024; Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 21/2024/HSST-QĐ ngày 28/8/2024 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 60G1-268.05, số máy: JA39E1601358, số khung: 3910LY263500, tình trạng đã qua sử dụng, trả lại cho Cao Chí B. Đối với điện thoại di động không rõ nhãn hiệu bị cáo Nguyễn Huỳnh T sử dụng mua bán ma túy cho bị cáo K, V không thu hồi được, còn điện thoại di động Redmi Note 11 Pro 5G do bị cáo T mua lại sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 05/8/2023, không liên quan đến vụ án; đối với 02 sim điện thoại đã qua sử dụng để mua bán ma túy và nhận tiền từ bị cáo V qua ứng dụng Momo, do bị cáo T tháo ra, lắp lại nhiều lần nên hư hỏng, không sử dụng được và đã mua 02 sim mới để kích hoạt lại tiếp tục sử dụng, do đó 02 sim mới hiện tại không liên quan đến vụ án. Vì vậy, 01 điện thoại di động Redmi Note 11 Pro 5G và 02 sim điện thoại không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Nguyễn Huỳnh T. Các Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, vật chứng trên là có cơ sở, phù hợp.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu đỏ có gắn ống hút nhựa dài khoảng 20cm; 03 bật lửa là công cụ dùng vào việc phạm tội.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong bên trong chứa 01 gói nilong ma túy và 01 ống thủy tinh là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy là điện thoại di động của bị cáo Lê Đức V dùng vào việc phạm tội.

- Các tài sản khác, xác định không phải là vật chứng, không liên quan đến vụ án nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho:

+ Bị cáo Trần Văn K: 01 điện thoại sau lưng có chữ OPPO bị vỡ màn hình, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy

+ Bị cáo Cao Phương T: 01 điện thoại sau lưng có chữ VIVO, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy

+ Đặng Thanh T: 01 điện thoại sau lưng có chữ Samsung, màu vàng đồng, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy

(Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang, ngày 05/8/2023; Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS72, ngày 27/3/2024 và Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, ngày 08/4/2024.).

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng. Trong lời tự bào chữa, các bị cáo không có bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Huỳnh T không có ý kiến gì về bản luận tội và không có bào chữa gì.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sớm về với gia đình, hòa nhập xã hội. Bị cáo Nguyễn Huỳnh T xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 72, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, lời khai những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo V, K, T phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện các nội dung như: Việc bị cáo Lê Đức V rủ Cao Phương T tìm ma túy sử dụng, T đến nhà Trần Văn K và tại đây bị cáo K liên hệ và mua ma túy từ Nguyễn Huỳnh T sau đó cùng nhau sử dụng rồi bị Công an bắt quả tang; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/8/2023; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận Giám định số 8679/KL-KTHS ngày 10/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an TP.H…

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 08 giờ ngày 05/8/2023, Lê Đức V đã rủ Cao Phương T tìm ma túy để sử dụng, T đã đưa V đến nhà Trần Văn K, tại đây K liên hệ, mua ma túy từ Nguyễn Huỳnh T về cùng nhau sử dụng bằng bộ dụng cụ tự chế để đốt, hút ma túy, cả ba bị cáo cùng với Đặng Thanh T cùng nhau sử dụng, khối lượng ma túy còn lại sau khi sử dụng qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1246g loại Methamphetamine. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Lê Đức V, Trần

Văn K, Cao Phương T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Đối với số lượng ma túy sau khi sử dụng còn lại thu được với khối lượng 0,1246g loại Methamphetamine V đã bỏ tiền ra mua, không có thỏa thuận góp tiền hay phải trả lại sau khi sử dụng, V cất giấu dưới gầm tủ quần áo trong phòng ngủ nhà K, các bị cáo còn lại không biết lúc Công an xã kiểm tra nên xác định là của V phải chịu trách nhiệm. Vì vậy, hành vi của bị cáo Lê Đức V đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huỳnh T không thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, không thừa nhận bán ma túy cho Trần Văn K, Lê Đức V. Tuy nhiên, qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo K, V cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thu thập, xác minh, thẩm tra tại phiên tòa chứng minh rằng hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Huỳnh T cho bị cáo K, V vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 05/8/2023 như nội dung Cáo trạng truy tố là có cơ sở. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Huỳnh T đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, HĐXX thấy rằng tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về kiểm soát, quản lý, sử dụng các chất ma túy; gây mất trật tự an toàn và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, tiềm ẩn gây hậu quả nguy hiểm khác cho xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra. Do đó, xét cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Ngoài ra, HĐXX sẽ lượng hình khi xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo; xem xét về tình trạng bệnh tim của bị cáo Nguyễn Huỳnh T có ảnh hưởng đến sức khỏe nghiêm trọng. Trên cơ sở đó không buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo V, K, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Lê Đức V được Chính ủy Trường SQLQ2 tặng Giấy khen vì có thành tích tốt trong thi đua đột kích và bị cáo Cao Phương T có mẹ ruột được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba, thì trường hợp này thuộc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên, bị cáo Cao Phương

T bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS và tuyên phạt 01 năm 04 tháng tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 112/2021/HS-PT ngày 30/11/2021, chưa xóa án tích do chưa đóng án phí hình sự phúc thẩm nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[5] Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T là những người đồng phạm với nhau nhưng có tính chất giản đơn, các bị cáo V, K, T phạm tội nảy sinh tức thời; không bàn bạc, tổ chức hay phân công cụ thể. Lê Đức V là người khởi xướng, rủ rê Cao Phương T sử dụng ma túy, trực tiếp bỏ tiền mua ma túy cho các bị cáo còn lại sử dụng, đưa điện thoại cho Trần Văn K liên hệ mua ma túy; Cao Phương T là người tiếp nhận ý chí của V, giúp sức V bằng việc tìm địa điểm và chở V đến nhà K, rủ K sử dụng ma túy, trực tiếp lấy ma túy cho vào bộ dụng cụ và đốt để cho các bị cáo cùng sử dụng; Trần Văn K trực tiếp liên hệ mua ma túy, sử dụng nhà mình làm nơi sử dụng ma túy, cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy. Do đó, các bị cáo V, K, T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình gây ra và áp dụng Điều 17, 58 BLHS để xem xét trách nhiệm hình sự về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Vì vậy, với vai trò, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của mình nên Lê Đức V phải chịu trách nhiệm hình sự chính, Trần Văn K chịu trách nhiệm hình sự sau V và sau cùng là Cao Phương T. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Trong vụ án này, còn có Đặng Thanh T cùng sử dụng ma túy với các bị cáo V, K, T nhưng không tham gia bàn bạc mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, công cụ sử dụng ma túy nên không có đủ căn cứ truy cứu TNHS đối với T. Cơ quan Điều tra Hình sự khu vực 2, các Tổ chức sự nghiệp đã chuyển tài liệu liên quan đề nghị Công an huyện L, tỉnh Đ xử phạt hành chính Đặng Thanh T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có cơ sở.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 400.000 đồng bị cáo Nguyễn Huỳnh T nhận được từ bị cáo Lê Đức V qua việc mua bán ma túy, do đó buộc bị cáo T phải nộp lại. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước vì đây là tiền do phạm tội mà có.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Cơ quan ĐTHS khu vực 2, Các Tổ chức sự nghiệp đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 21/QĐ-XLTS ngày 19/01/2024; Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 21/2024/HSST-QĐ ngày 28/8/2024 gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 60G1-268.05; số máy: JA39E1601358; số khung: 3910LY263500; tình trạng đã qua sử dụng, trả lại cho Cao Chí B; Đối với điện thoại di động không rõ nhãn hiệu bị cáo Nguyễn Huỳnh T sử dụng mua bán ma túy cho bị cáo K, V không thu hồi được, còn điện thoại di động Redmi Note 11 Pro 5G do bị cáo T mua lại sau khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 05/8/2023, không liên quan đến vụ án; đối với 02 sim điện thoại đã qua sử dụng để mua bán ma túy và

nhận tiền từ bị cáo V qua ứng dụng Momo, do bị cáo T tháo ra, lắp lại nhiều lần nên hư hỏng, không sử dụng được và đã mua 02 sim mới để kích hoạt lại tiếp tục sử dụng, do đó 02 sim mới hiện tại không liên quan đến vụ án. Vì vậy, 01 điện thoại di động Redmi Note 11 Pro 5G và 02 sim điện thoại không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Nguyễn Huỳnh T. Các Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu, vật chứng trên là có cơ sở, phù hợp.

- 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu đỏ có gắn ống hút nhựa dài khoảng 20cm; 03 bật lửa. HĐXX xác định đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

- 01 phong bì được niêm phong bên trong chứa 01 gói nilong ma túy và 01 ống thủy tinh. HĐXX xác định đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy là của bị cáo Lê Đức V dùng liên hệ mua bán ma túy với bị cáo Nguyễn Huỳnh T. HĐXX xác định đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Các tài sản khác, HĐXX xác định không phải là vật chứng, không liên quan đến vụ án nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho:

+ Bị cáo Trần Văn K: 01 điện thoại sau lưng có chữ OPPO bị vỡ màn hình, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

+ Bị cáo Cao Phương T: 01 điện thoại sau lưng có chữ VIVO, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

+ Đặng Thanh T: 01 điện thoại sau lưng có chữ Samsung, màu vàng đồng, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

(Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang, ngày 05/8/2023; Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS72, ngày 27/3/2024 và Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, ngày 08/4/2024.).

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T, Nguyễn Huỳnh T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Lê Đức V phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo Nguyễn Huỳnh T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt Lê Đức V 08 (Tám) năm tù.

- Áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Lê Đức V 02 (Hai) năm tù.

Áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Lê Đức V phải chấp hành hình phạt chung 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05/8/2023.

Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt Trần Văn K 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05/8/2023.

Áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS xử phạt Cao Phương T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 05/8/2023.

Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; Điều 38 BLHS xử phạt Nguyễn Huỳnh T 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh T nộp số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu đỏ có gắn ống hút nhựa dài khoảng 20cm; 03 (Ba) bật lửa.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) phong bì được niêm phong bên trong chứa 01 (Một) gói nilong ma túy và 01 (Một) ống thủy tinh.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho:

+ Bị cáo Trần Văn K: 01 (Một) điện thoại sau lưng có chữ OPPO bị vỡ màn hình, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

+ Bị cáo Cao Phương T: 01 (Một) điện thoại sau lưng có chữ VIVO, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

+ Đặng Thanh T: 01 (Một) điện thoại sau lưng có chữ Samsung, màu vàng đồng, điện thoại không lên nguồn, không kiểm tra được tình trạng của máy.

(Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang, ngày 05/8/2023; Quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS72, ngày 27/3/2024 và Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng, ngày 08/4/2024.).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Lê Đức V, Trần Văn K, Cao Phương T, Nguyễn Huỳnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/9/2024), các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7.

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- TAQSQK7;
- THAQK7;
- PTHAQK7;
- VKSQSQK7;
- VKSQS.KV72;
- ĐTHSKV2-CTCSN;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Các Hội thẩm quân nhân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**